

FDI VỚI PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN CHẾ TẠO TẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID-19

FDI WITH DEVELOPMENT OF VIETNAM'S PROCESSING AND MANUFACTURING INDUSTRY IN THE CONTEXT OF COVID-19 PANDEMIC

Ngày nhận bài: 14/06/2021

Ngày chấp nhận đăng: 25/09/2021

Vũ Thị Thanh Huyền

TÓM TẮT

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 vẫn đang có những diễn biến phức tạp trên thế giới cũng như tại Việt Nam, hoạt động sản xuất, thương mại và đầu tư đều bị ảnh hưởng hết sức nghiêm trọng. Trong những năm vừa qua, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo Việt Nam luôn được coi là ngành đứng đầu trong thu hút FDI, thúc đẩy xuất khẩu, tạo việc làm, ... tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp FDI trong ngành vẫn còn rất hạn chế, liên kết giữa DN FDI và DN nội địa còn yếu. Cùng với đó, đại dịch Covid-19 diễn ra, tiếp tục gây ra những ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình thu hút FDI vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (CN CBCT) trong nước. Bằng các phương pháp tổng hợp lý thuyết và thực tiễn, phân tích, so sánh, đánh giá, ... bài viết tập trung xem xét, đánh giá các tác động của covid-19 đến thu hút FDI vào ngành CN CBCT Việt Nam, đánh giá các cơ hội, thách thức và đề xuất một số giải pháp trong bối cảnh mới.

Từ khóa: FDI, công nghiệp chế biến chế tạo (CN CBCT), đại dịch Covid-19.

ABSTRACT

In the context that the Covid-19 pandemic is still having severe impacts in the world as well as in Vietnam, production, trade and investment activities have all been severely affected. In recent years, Vietnam's processing and manufacturing industry has always been the leading industry in attracting FDI, promoting exports, creating jobs, etc. However, the operational efficiency of FDI enterprises in the industry is still very limited, the link between FDI enterprises and domestic enterprises is still weak. Along with that, the Covid-19 pandemic took place, continuing to cause significant impacts on the process of attracting FDI into the domestic manufacturing and processing industry. By methods of theoretical and practical synthesis, analysis, comparison, evaluation, etc., the paper focuses on reviewing and evaluating the impacts of covid-19 on attracting FDI into the manufacturing and processing industry. Vietnam, assess opportunities, challenges and propose some solutions in the new context.

Keywords: FDI, manufacturing industry, Covid-19 pandemic.

1. Giới thiệu

Đại dịch COVID-19 đang tác động mạnh mẽ đến các nền kinh tế trên thế giới, cũng như các chuỗi giá trị toàn cầu. Khi đại dịch bùng nổ, các biện pháp giãn cách xã hội được thực hiện, nhiều hoạt động sản xuất tạm dừng lại. Các chuỗi cung ứng bị đứt gãy ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hoạt động đầu tư, sản xuất và thương mại toàn cầu, từ đó làm suy giảm tăng trưởng nền kinh tế thế giới nói chung và nhiều quốc gia, khu vực nói riêng, trong đó có Việt Nam. Trong năm 2020, có những thời điểm, tốc độ FDI chảy vào Việt

Nam đã bị chậm lại, suy giảm so với các giai đoạn trước, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất công nghiệp. Do đó, việc nghiên cứu về các tác động của đại dịch Covid-19 đến thu hút và sử dụng FDI trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo của Việt Nam sẽ có ý nghĩa quan trọng trong việc điều chỉnh, đề xuất các giải pháp để thúc đẩy sự phát triển của ngành trong giai đoạn tiếp theo.

Vũ Thị Thanh Huyền, Bộ môn Kinh tế học -
Trường Đại học Thương mại

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Một số cơ sở lý thuyết về FDI với ngành Công nghiệp chế biến chế tạo dưới tác động của đại dịch Covid 19

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) luôn được coi là nguồn vốn nước ngoài, có vai trò quan trọng trong việc bù đắp cho sự thiếu hụt về vốn trong hoạt động sản xuất của tất cả các ngành trong nền kinh tế, đặc biệt là tại các quốc gia đang phát triển.

Về vai trò của FDI đối với ngành công nghiệp chế biến, chế tạo:

Vai trò của FDI đối với tăng trưởng kinh tế nói chung, sự phát triển của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo nói riêng đã được công nhận hết sức rộng rãi thông qua các công trình nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm. Về phía cung, FDI giúp bổ sung cho sự thiếu hụt về nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế, đồng thời, FDI là phương tiện chuyển giao công nghệ, đổi mới tổ chức sản xuất và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao quan trọng của các nước phát triển sang các nước đang phát triển. Về phía cầu, FDI tạo ra động lực thúc đẩy xuất khẩu, tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động ... (Lloyd, 1996; Inzelt, 1999; Rahmaddi & Ichihashi, 2013; Zhang, 2014; Nguyễn Thị Tuệ Anh & Vũ Thị Như Hoa, 2014; Nguyễn Thị Thanh Thủy, 2020). Mặc dù các nghiên cứu trước đây cho thấy FDI có tác động tích cực đến tăng trưởng nền kinh tế, quy mô của tác động đó có thể rất lớn giữa các quốc gia, tuy nhiên, các tác động là tích cực hay tiêu cực còn tùy thuộc vào mức độ vốn nhân lực, cơ sở hạ tầng đầu tư trong nước, sự ổn định kinh tế vĩ mô và chính sách thương mại.

Về các tác động của đại dịch COVID-19 đến ngành công nghiệp chế biến chế tạo và thu hút FDI

Đại dịch COVID-19 được coi là một trong những sự kiện gây rối ảnh hưởng nghiêm trọng nhất trong lịch sử trên thế giới vì nó là một cú sốc ngoại sinh, không chỉ ảnh hưởng đến hệ thống y tế của thế giới mà còn gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho nền kinh tế thế giới.

Đối với ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, ảnh hưởng của Covid-19 theo nhiều cách khác nhau. Theo nghiên cứu của Kapparashetty (2020):

Đầu tiên, sản lượng thấp hơn, do lượng tiêu thụ thấp hơn. Tác động này mất nhiều thời gian hơn để thể hiện rõ, vì một số nhà phân phối nhận thấy cơ hội kiếm được lợi nhuận trong tình trạng thiếu hụt đang phát triển, có xu hướng tiếp tục bán hàng, nhưng với một lịch trình trả chậm kéo dài. Thời hạn tín dụng dài hơn được đưa ra bởi nhà sản xuất, những người muốn tiếp tục hoạt động, trước khi ngừng hoạt động hoàn toàn.

Thứ hai, ngày càng có nhiều lao động ngừng làm việc do các chỉ thị của chính phủ, do đó làm giảm quy mô hoạt động, dẫn đến ảnh hưởng đến chất lượng, chi phí và khối lượng sản xuất. Trong một thời gian, điều này ảnh hưởng xấu đến doanh thu, khiến doanh thu chậm lại đến mức nhỏ giọt.

Thứ ba, những bất ổn trong khâu hậu cần dẫn đến hiệu ứng phân tầng, các nhà vận tải không chỉ chật vật để đặt xe bốc hàng mà còn chịu áp lực điều chỉnh báo giá vận chuyển hàng hóa, vì họ cũng phải đối mặt với tỷ lệ tham gia thấp hơn, với rủi ro hoạt động ngày càng tăng. Tốc độ hoạt động ngân hàng chậm hơn, giờ làm việc ngắn hơn, đường dây liên lạc bị tắc nghẽn và quá tải dẫn đến các giao dịch tiền tệ bị trì hoãn, do đó làm tăng rủi ro tiền tệ.

Cuối cùng, các nhà cung cấp đầu vào cho các nhà sản xuất lớn bắt đầu cảm thấy bị chèn ép, và bắt đầu thoái thác và chơi an toàn, để bảo vệ lợi ích của họ, bởi vì khả năng chịu rủi

ro của họ thấp hơn nhiều so với các khách hàng lớn của họ. (Kapparashetty, 2020)

Ngoài ra, đại dịch COVID-19, là một cú sốc cung và cầu đồng thời, cũng ảnh hưởng đến các dòng đầu tư và tài chính quốc tế. **Các tác động của đại dịch đến dòng vốn FDI** được thể hiện như sau:

Một là, cuộc khủng hoảng COVID-19 đã có những ảnh hưởng ngay lập tức đến quy mô và tốc độ tăng trưởng của FDI và sẽ có những hậu quả lâu dài do sự tương tác đột ngột và đồng thời của các cú sốc cung và cầu, kết hợp với các phản ứng chính sách đối với cuộc khủng hoảng xung quanh thế giới, đang gây ra một loạt các tác động lên FDI, trong đó, do sự không chắc chắn về cách các thị trường sẽ phản ứng với việc đóng cửa và thời gian đóng cửa ở mỗi quốc gia, dòng vốn FDI bắt đầu giảm, bắt đầu từ các nền kinh tế phát triển nhưng chủ yếu ảnh hưởng đến các nước đang phát triển. (Camino & Armijos, 2020; Handoyo, 2020)

Hai là, COVID-19 đã làm giảm dòng tài chính nước ngoài và khuyến khích nhiều hơn những hoạt động thoái vốn từ các nước đang phát triển, rời bỏ các ngành công nghiệp quy mô lớn, khiến các nhà máy và các doanh nghiệp vừa và nhỏ bị thiếu vốn hoặc không hoạt động (WB, 2020). Điều này trong trung hạn sẽ làm giảm năng lực sản xuất địa phương của các nước đang phát triển và đe dọa nhiều việc làm hơn - và do đó là các nguồn sinh kế. (World Bank, 2020)

Ba là, Đại dịch đã làm giảm cả tỷ suất lợi nhuận FDI; Tỷ lệ tử vong do COVID-19 ở các nước sở tại làm giảm biên độ đầu tư trực tiếp nước ngoài; FDI bị ảnh hưởng bởi việc kiểm soát đại dịch trong nước của nó vì họ thường là nước chủ nhà và FDI của khu vực dịch vụ bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch hơn so với FDI của các khu vực khác là

những nguyên nhân khiến dòng vốn FDI chậm lại. (Fu & cộng sự, 2021; ILO, 2021)

Bốn là, về lâu dài, đại dịch có thể khiến các công ty phải thay đổi phân bố địa lý cho hoạt động ở nước ngoài của họ. Ví dụ: các MNE có thể xem xét và có khả năng rút ngắn các GVC của họ để bảo vệ mình khỏi sự gián đoạn chuỗi cung ứng; cách khác, họ có thể tìm cách đa dạng hóa địa lý để giảm tiếp xúc với các cú sốc theo vị trí cụ thể và giảm chi phí để có thể đối phó tốt hơn với các cuộc khủng hoảng. Sự đa dạng hóa này có thể liên quan đến việc thoái vốn khỏi một số địa điểm nhưng mở rộng ra các địa điểm khác. Ngoài những tác động trực tiếp, FDI còn có thể có tiềm ẩn những tác động gián tiếp quan trọng đến nền kinh tế địa phương. Ví dụ, nó có thể có những tác động thứ hai đối với nền kinh tế khi các MNE thành lập trong nước tham gia vào quan hệ người mua - nhà cung cấp hoặc cạnh tranh với các doanh nghiệp địa phương, thuê và đào tạo công nhân địa phương và tạo điều kiện cho xuất khẩu. Ngoài ra, để tránh khỏi những cú sốc trong tương lai, các công ty có thể sử dụng mạnh mẽ hơn các giải pháp điện tử để phi vật chất hóa và tự động hóa các quy trình, đồng thời giảm sự phụ thuộc vào các tài sản không thể di chuyển và các hợp đồng dài hạn. Điều này có thể có nghĩa là ít FDI hơn trong dài hạn nhưng cũng có thể mang lại khả năng hợp nhất thị trường trong lĩnh vực thương mại điện tử và không gian kỹ thuật số tạo ra cơ hội FDI. (Porwal & cộng sự, 2021)

2.2. Nguồn dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Để làm rõ các hướng tác động của covid-19 đến thu hút FDI vào ngành CN CBCT và thực trạng thu hút FDI vào ngành CN CBCT tại Việt Nam, nghiên cứu chủ yếu sử dụng các nguồn dữ liệu thứ cấp, được lấy từ nguồn Tổng cục Thống kê, các báo cáo của Bộ Công thương, Cục đầu tư nước ngoài, World

Bank, ... Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong bài là các phương pháp thống kê, tổng hợp lý thuyết và thực tiễn, phân tích suy luận, so sánh, đối chiếu, kết hợp với phương pháp lấy ý kiến chuyên gia... để làm rõ tình hình thực trạng và phân tích sự ảnh hưởng của covid-19.

3. Thực trạng thu hút fdi vào ngành cn cbct tại việt nam trong bối cảnh đại dịch covid-19

3.1. Thu hút FDI vào ngành CN CBCT Việt Nam trước khi xảy ra đại dịch

Về chính sách, Việt Nam đã ban hành và thực thi nhiều chính sách ưu đãi để thu hút và quản lý tốt hơn nguồn vốn FDI. Trong đó, đặc biệt là các ưu đãi về tài chính, tập trung vào 3 lĩnh vực: ưu đãi về thuế TNDN, thuế xuất nhập khẩu và ưu đãi về đất đai. Cụ thể như sau:

Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo lộ trình giảm thuế, mức thuế suất phổ thông được giảm từ 25% xuống còn 22% từ năm 2014, xuống 20% từ năm 2016 trở đi. Mặt khác, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN năm 2013 đã bổ sung ưu đãi đối với DN thực hiện dự án đầu tư mới trong khu công nghiệp và DN có dự án đầu tư mở rộng. Đặc biệt, luật thuế TNDN 2020 quy định rõ hơn về các mức ưu đãi thuế suất cho các nhà đầu tư như: áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm, thuế suất 10%, 20% trong 10 năm, kéo dài thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi, ...; các ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế.

Đối với ngành nghề, lĩnh vực CN CBCT được ưu đãi, luật thuế TNDN cũng điều chỉnh theo hướng khuyến khích đầu tư vào các ngành sản xuất công nghệ cao, các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho các ngành: dệt - may; da - giày; điện tử - tin học; sản xuất lắp ráp ô tô; cơ khí chế tạo mà các

sản phẩm này tính đến ngày 01 tháng 01 năm 2015 trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được ...

Ưu đãi về thuế xuất nhập khẩu Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2016 quy định miễn thuế đối với: Các nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng xuất khẩu; Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư chẳng hạn như máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất. Ngoài ra, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được trong thời hạn 05 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất...

Ưu đãi về đất đai: luật đầu tư 2014 và 2020 đều có quy định hình thức ưu đãi đầu tư thông qua miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất đối với các ngành CN CBCT cụ thể như: hoạt động công nghệ cao, sản xuất CN hỗ trợ, vật liệu mới, sản xuất điện tử, cơ khí trọng điểm, máy nông nghiệp, đóng tàu, ... Cụ thể, điều 19,20 Nghị định 46/2014/NĐ-CP quy định: (i) miễn tiền thuê đất đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi được đầu tư tại địa phương có kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; dự án sử dụng đất xây dựng nhà ở cho công nhân của các khu CN, đất xây dựng cơ sở NCKH của DN KHCN; (ii) miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản tối đa không quá 3 năm, ...; (iii) giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước để sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh, ...

Ngoài ra, năm 2017, chính phủ cũng ban hành Nghị định số 35/2017/NĐ-CP với một số quy định ưu đãi liên quan đến giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế, khu công nghệ cao.

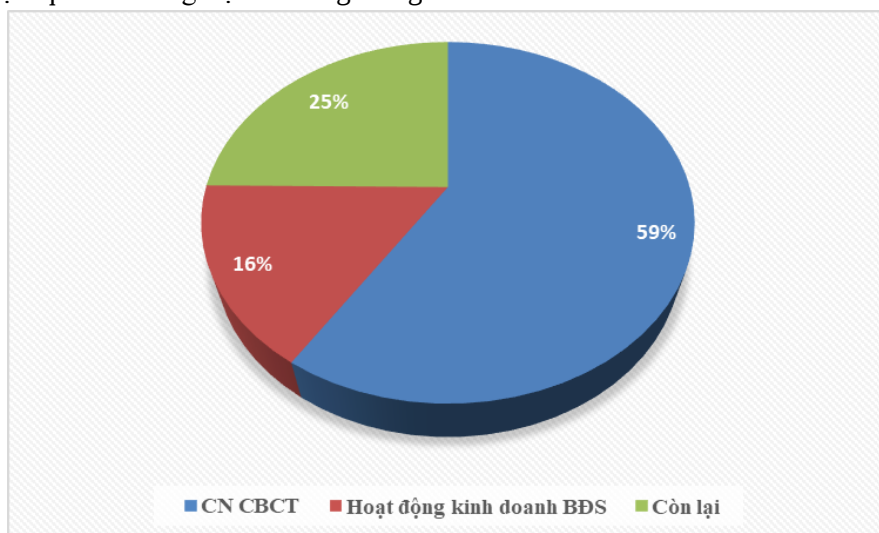
Như vậy, các chính sách ưu đãi đầu tư, dù được phân theo ngành, lĩnh vực, địa bàn,

nhưng vẫn là chính sách áp dụng chung. Trong khi đó, mức ưu đãi theo quy định lại chưa đủ sức hấp dẫn với ngành nghề, lĩnh vực khuyến khích đầu tư (thí dụ như công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế tạo, công nghệ cao), lại thiếu linh hoạt, thiếu sự phân loại ưu tiên đối với các dự án FDI như dự án có tính lan tỏa cao, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của địa phương, vùng... Mới đây, Luật Đầu tư sửa đổi được Quốc hội thông qua và có hiệu lực vào đầu năm 2021 đã bổ sung các quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt nhằm khuyến khích thực hiện một số dự án đầu tư có tác động lớn đến kinh tế - xã hội. Các ưu đãi này có thể cao hơn so với quy định hiện hành và tạo động lực cho việc thu hút có hiệu quả và đúng định hướng dòng

vốn FDI cho phát triển CN CBCT trong nước.

Về thực trạng thu hút FDI vào ngành CN CBCT:

Trước khi xảy ra đại dịch vào cuối năm 2019, công nghiệp chế biến, chế tạo vẫn luôn là lĩnh vực được các nhà đầu tư nước ngoài tập trung nguồn vốn FDI lớn nhất. Đây cũng là lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn trong vốn đăng ký đối với cả các dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng và góp vốn, mua cổ phần. Năm 2019, nguồn vốn FDI vào CN CBCT đạt 24,56 tỷ USD, chiếm 64,6% tổng vốn đầu tư đăng ký, nâng tổng số vốn đầu tư lũy kế vào lĩnh vực này là 214,2 tỷ USD; chiếm 59,1% tổng vốn đầu tư.



Hình 1. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam lũy kế đến 31/12/2019

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2021

Tuy nhiên, trong khi đóng góp vào giá trị sản xuất công nghiệp của các doanh nghiệp FDI ngày càng tăng, thì đóng góp của các doanh nghiệp trong nước ngày càng giảm. Hiệu quả hoạt động của đa số doanh nghiệp công nghiệp nhà nước thấp trong khi phần lớn các doanh nghiệp tư nhân trong nước là doanh nghiệp nhỏ và vừa với năng lực còn nhiều hạn chế. Đặc biệt, đối với các ngành CN CBCT xuất khẩu chủ lực như điện - điện tử, dệt may, da giày, số lượng DN FDI chỉ

chiếm khoảng 20% tổng số DN, nhưng lại chiếm tới hơn 80% kim ngạch xuất khẩu. Các doanh nghiệp này chủ yếu tập trung ở khu vực hạ nguồn để tận dụng các ưu đãi về thuế, mặt bằng sản xuất, kinh doanh và nhân công giá rẻ, các yêu cầu về môi trường, lao động còn tương đối lỏng lẻo của Việt Nam.

Ngoài ra, công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển nên giá trị gia tăng của ngành công nghiệp không cao. Hiện nay, ngành công nghiệp hỗ trợ mới đáp ứng được khoảng 10%

nhu cầu trong nước với các sản phẩm chủ yếu là linh kiện, chi tiết đơn giản, có giá trị thấp trong cơ cấu giá trị sản phẩm. Tỷ lệ nội địa hóa của hầu hết các ngành công nghiệp CBCT Việt Nam hiện đều ở mức thấp. Điều này khiến các ngành CN CBCT trong nước phụ thuộc nhiều vào việc nhập khẩu nguyên vật liệu, các sản phẩm trung gian, máy móc thiết bị sản xuất, khiến cho hoạt động sản xuất trong nước thiếu tự chủ, dễ tổn thương bởi các biến động chính trị - kinh tế - xã hội trên thế giới và trong khu vực (mà ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 đến khu vực sản xuất vừa qua là một ví dụ điển hình).

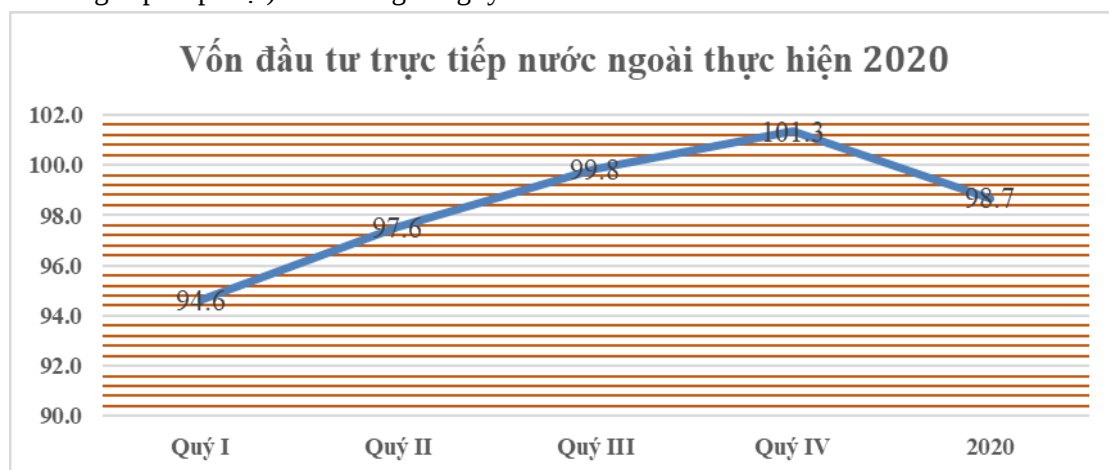
Bên cạnh đó, theo báo cáo của World Bank (2017), liên kết với FDI đã được cải thiện nhưng vẫn chậm so với mong muốn của Chính phủ và mức độ cạnh tranh ngày càng cao trong khu vực. Hiện tại, các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam chủ yếu là các nhà cung cấp Cấp ba, cung cấp các nguyên liệu đầu vào đơn giản, giá trị gia tăng thấp và/hoặc các linh kiện đơn giản. Chẳng hạn như đối với ngành điện tử và ô tô, những sản phẩm này bao gồm nhựa, cao su, các bộ phận kim loại và khuôn mẫu. Các nhà cung cấp cấp ba này cũng không liên kết được với các công ty đầu chuỗi (hoặc thậm chí là các nhà cung cấp Cấp một) - là những công ty có

công nghệ và kiến thức để giúp họ tăng năng suất vì họ chỉ là các nhà cung cấp gián tiếp. Do các DN phần lớn có quy mô nhỏ và vừa, hiệu ứng lan tỏa chưa đạt được mức tối đa, cho thấy cần thiết phải tăng cường kết nối trong các chuỗi giá trị hiện tại (thông qua việc triển khai nhiều hoạt động hơn ở khu vực thượng nguồn và hạ nguồn). (Akhtlaque & cộng sự, 2017)

3.2. Thu hút FDI vào ngành CN CBCT Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19

Do tác động của COVID-19, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) toàn cầu năm 2020 được Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) đánh giá sẽ thu hẹp “từ mức 1.540 tỷ USD năm 2019 xuống dưới 1.000 tỷ USD”. Theo dự báo của UNCTAD, năm 2021, dòng FDI sẽ giảm thêm từ 5% - 10% và có thể bắt đầu phục hồi từ năm 2022. Tuy nhiên, với tình hình dịch bệnh vẫn đang diễn biến phức tạp tại nhiều quốc gia trên thế giới, khả năng phục hồi của dòng vốn FDI là rất khó dự đoán.

Do tình hình kinh tế suy thoái ở phía các nước đầu tư, các DN FDI gặp khó khăn trong kinh doanh, dẫn đến việc hạn chế đầu tư, ảnh hưởng đáng kể đến dòng FDI vào Việt Nam.



Hình 2. FDI thực hiện tại Việt Nam so với cùng kỳ năm trước (%)

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2020

Sự suy giảm dòng vốn FDI vào Việt Nam do tác động của đại dịch bao gồm cả vốn thực hiện, vốn đăng ký cấp mới và góp vốn mua cổ phần. Tính đến 20/12/2020, tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 28,5 tỷ USD, giảm 25% so với 2019. Trong đó, 2.523 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 14,6 tỷ USD, giảm 35% về số dự án và giảm 12,5% về số vốn đăng ký so với năm 2019; 6.141 lượt góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn 7,5 tỷ USD, giảm 51,7% so với 2019. FDI thực hiện năm 2020 ước tính đạt gần 20 tỷ USD, giảm 2% so với năm trước (*Tổng cục Thống kê, 2020*). Việt Nam cũng chịu sự cạnh tranh trong thu hút FDI với nhiều quốc gia trong khu vực Đông Nam Á như Singapore, Indonesia, Myanmar, Campuchia.

Tuy nhiên, trong bối cảnh chiến tranh thương mại Mỹ -Trung vẫn đang tiếp diễn, cũng với những diễn biến của đại dịch COVID-19 vẫn diễn ra phức tạp trên thế giới, quá trình dịch chuyển dòng vốn FDI vào ngành CN CBCT Việt Nam có thể diễn ra nhanh hơn. Trong năm 2020, đã có một số tập đoàn lên kế hoạch dịch chuyển đầu tư đến Việt Nam. Chẳng hạn, Google có kế hoạch sản xuất smartphone giá rẻ tại Việt Nam, Microsoft dự định sản xuất note-book và máy tính để bàn, Apple sẽ sản xuất tai nghe không dây tại Việt Nam thay vì Trung Quốc,... Hậu COVID-19 và trong xu hướng dài hạn, các nhà đầu tư nước ngoài sẽ dịch chuyển đầu tư trong các lĩnh vực chủ yếu như: công nghệ thông tin, công nghệ cao (Samsung, Apple,...); thiết bị điện tử và phụ kiện (Panasonic); logistic, thương mại điện tử (Alibaba); hàng tiêu dùng, bán lẻ (Zara; H&M); ...

Mặc dù vậy, rất nhiều doanh nghiệp FDI đã có nguồn cung cấp linh kiện ở nước khác,

họ chỉ vào Việt Nam để lắp ráp, xuất khẩu nhằm hưởng lợi từ các hiệp định thương mại tự do nước ta đã tham gia. Do đó, doanh nghiệp CN CBCT trong nước không dễ có được cơ hội tham gia vào chuỗi cung ứng từ các doanh nghiệp FDI này. Trong khi đó, Việt Nam “trái thảm đỏ”, ưu đãi rất nhiều để thu hút FDI. Điều này dẫn đến ngành CN CBCT Việt Nam khó có thể nâng cao giá trị gia tăng trong tương lai gần.

4. Triển vọng thu hút DFI vào việt nam năm 2021 và những cơ hội và thách thức đối với ngành CN CBCT

Triển vọng thu hút FDI vào Việt Nam năm 2021 là rất sáng sủa, trong bối cảnh nhiều nhà đầu tư lớn, vừa và nhỏ từ các quốc gia phát triển dần chuyển hướng đầu tư vào Việt Nam. Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/5/2021 đạt 14 tỷ USD, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, có 613 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 8,83 tỷ USD, tăng 18,6% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước; 342 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 3,86 tỷ USD, tăng 11,7%. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 5 tháng đầu năm 2021 ước tính đạt 7,15 tỷ USD, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm trước. (*Tổng cục Thống kê, 2021*)

Trong số các đối tác FDI vào Việt Nam, 5 đối tác FDI hàng đầu chủ yếu là các nước châu Á như Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, sự hiện diện của các nước phương Tây trong số các đối tác FDI hàng đầu vẫn còn khá thấp.

Về cơ hội:

Thứ nhất, hiện nay, Việt Nam được xem là quốc gia có sự ổn định cao về chính trị, xã hội, sẽ là nền tảng vững chắc để thực hiện tốt các chính sách về kinh tế. Đồng thời, Việt Nam cũng là điểm sáng trên thế giới về kiểm soát dịch bệnh, bất chấp tác động tiêu cực của Covid-19 đến các hoạt động kinh tế, Việt

Nam vẫn đạt tăng trưởng dương 2,91% trong năm 2020. Do đó, đây chính là những điều kiện thuận lợi để thu hút các dòng vốn FDI chất lượng cao. Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào nước ta tăng mạnh, tăng 18,5% (Tính từ ngày 01/01 đến 20/03/2021) so với cùng kỳ năm trước, điển hình như Hòa kỳ tăng 205,5%; Nhật Bản tăng 147,7%; Hàn Quốc tăng 67,1%. Rõ ràng là, sự ổn định chính trị - xã hội ở Việt Nam đã tạo được niềm tin mạnh mẽ với các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước, khiến các nhà đầu tư sẵn sàng huy động vốn để gia tăng đầu tư, mở rộng sản xuất.

Thứ hai, quá trình xung đột thương mại, đầu tư vẫn đang diễn biến phức tạp đối với nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới, mà điển hình là Trung Quốc và Mỹ, sẽ khiến cho nhiều tập đoàn, doanh nghiệp nước ngoài lớn tìm kiếm cơ hội đầu tư, đa dạng hóa chuỗi sản xuất, cũng như hạn chế việc phụ thuộc quá lớn vào thị trường Trung Quốc sau đại dịch. Như vậy, Việt Nam trở thành một trong những ứng cử viên có tiềm năng lớn trong thu hút dòng vốn dịch chuyển này.

Thứ hai, các điều kiện về cơ sở hạ tầng của các khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu kinh tế trong cả nước, chất lượng nguồn nhân lực công nghiệp tiếp tục được hoàn thiện, nâng cấp. Trong năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt 19 khu kinh tế ven biển, tổng diện tích khoảng 871 nghìn ha. Trong những năm gần đây, chất lượng của nguồn nhân lực Việt Nam ngày càng được nâng cao mà nguyên nhân chủ yếu là do Chính phủ chú trọng đầu tư vào giáo dục công. Người lao động được bồi dưỡng về văn hóa, đào tạo tay nghề, nâng cao trình độ chuyên môn, từ đó góp phần tăng năng suất lao động của Việt Nam; từ đó, tạo ra lợi thế cạnh tranh trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Những dự án FDI, tận dụng các hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký

kết, được kỳ vọng sẽ tiếp tục chảy mạnh vào Việt Nam trong thời gian tới.

Để đón đầu làn sóng này, Chính phủ Việt Nam cần hoàn thiện các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt, mà ưu tiên là định hướng khuyến khích thực hiện một số dự án có tác động lớn đến phát triển ngành CN CBCT. Bên cạnh đó, Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, tạo mọi điều kiện cho đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng cho các nhà đầu tư.

Về thách thức:

Thứ nhất, một số quốc gia đang phát triển như Ấn Độ, Indonesia, Myanmar, Campuchia ... cũng đang có nhiều biện pháp tích cực nhằm thu hút FDI như: xây dựng khu công nghiệp với diện tích lớn, áp dụng giá cho thuê đất ưu đãi; đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư; ... khiến cho cạnh tranh trong cuộc đua thu hút FDI càng trở nên gay gắt hơn.

Thứ hai, chính sách đẩy mạnh quá trình thu hút nguồn vốn FDI mà không có chọn lọc tại Việt Nam trong giai đoạn vừa qua đã dẫn đến hậu quả là thu hút một số dự án FDI có chất lượng thấp vào Việt Nam như dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, quy mô vốn nhỏ, gây ô nhiễm môi trường, ...; do đó, chưa thực sự đem lại tác động tích cực đối với sự phát triển của ngành CN CBCT trong nước.

Thứ ba, những vướng mắc về thủ tục hành chính, môi trường đầu tư khiến nhà đầu tư nước ngoài e ngại khi tiến hành hoạt động đầu tư tại Việt Nam; chẳng hạn như các thủ tục để xác nhận đối tượng được ưu đãi, thủ tục về bảo hiểm xã hội, ... mất nhiều thời gian để thực hiện.

Thứ tư, những thách thức do đại dịch COVID-19 vẫn đang hiện hữu, đặc biệt, do nền kinh tế Việt Nam còn nhỏ, quy mô và tiềm lực y tế yếu, Việt Nam có thể sẽ gánh chịu nhiều thiệt hại lớn về kinh tế, xã hội nếu không có biện pháp hữu hiệu để đẩy lùi dịch bệnh. Để thu hút FDI, Việt Nam cần nhanh chóng ổn định dịch bệnh và chuyển sang giai

đoạn phục hồi nền kinh tế sau dịch, tạo môi trường kinh doanh ổn định để củng cố và gia tăng niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài khi đưa nguồn vốn FDI vào Việt Nam.

Thứ năm, chất lượng nguồn nhân lực mặc dù đã được cải thiện, nhưng nhìn chung vẫn còn thấp. Trong giai đoạn trước khi xảy ra đại dịch, nguồn lao động giá rẻ được coi là lợi thế thu hút FDI vào Việt Nam. Tuy nhiên, chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế tạo ra lực cản lớn để thu hút FDI vào các dự án công nghệ cao. Mặc dù đã có một số cải cách trong hoạt động giáo dục và dạy nghề, nhưng nhìn chung chính sách phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam và chính sách phát triển nguồn nhân lực công nghiệp nói riêng mới chỉ tập trung thúc đẩy theo chiều rộng, chưa chú trọng đến chiều sâu về trình độ chuyên môn và năng lực của người lao động. Đây chính là điểm hạn chế lớn cần khắc phục trong thời gian tới.

5. Kết luận và một số kiến nghị

Như vậy, có thể thấy rằng, trong những năm vừa qua, ngành CN CBCT luôn là ngành đứng đầu trong thu hút FDI và thúc đẩy xuất khẩu, tạo việc làm trong nước. Tuy nhiên, ngành CN CBCT cũng đứng trước nhiều thách thức của việc nâng cao sức cạnh tranh, đổi mới công nghệ, thúc đẩy sự phát triển của các ngành CNHT, cũng như nâng cao giá trị gia tăng trong nền kinh tế. Đặc biệt, trong bối cảnh đại dịch COVID-19 vẫn đang diễn biến phức tạp, gây nhiều ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất công nghiệp trên thế giới, cũng như trong nước. Việc thu hút và nâng cao hiệu quả sử dụng FDI trong sản xuất công nghiệp sẽ có ý nghĩa lớn trong quá trình phát triển của ngành trong những năm tiếp theo. Để nâng cao hiệu quả sử dụng và thu hút FDI vào ngành CN CBCT, theo tác giả, cần tập trung vào một số nhóm giải pháp như sau:

Thứ nhất, tập trung xây dựng và hoàn thiện về cơ sở hạ tầng cho sản xuất CN

CBCT. Nhà nước Trung ương kết hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong việc lựa chọn, đề xuất một số khu vực trọng điểm trong nước để đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng theo hướng hiện đại, tiên tiến, nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhà đầu tư, đặc biệt là hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển công nghiệp như hệ thống thông tin, khu, cụm CN, hệ thống kho, vận, ...

Thứ hai, các chính sách ưu đãi nguồn vốn FDI được ban hành cần được hoàn thiện theo hướng phải có sự ưu tiên cho các nhà đầu tư lớn, các nhà đầu tư có quan hệ lâu năm với Việt Nam; ưu tiên cho các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, áp dụng quy trình sản xuất tiên bộ, thân thiện với môi trường, các dự án tạo ra giá trị gia tăng cao, có tác động lan toả, kết nối với các chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng toàn cầu.

Thứ ba, chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công nghiệp trong nước thông qua các biện pháp như: thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu khoa học trong nước, khuyến khích đầu tư vào hoạt động khoa học và đổi mới công nghệ tại doanh nghiệp; tăng cường hoạt động tự đào tạo, đào tạo tại chỗ trong doanh nghiệp; tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo - DN CN - hiệp hội; có chính sách phù hợp để thu hút chuyên gia, nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc trong nước; Nguồn nhân lực chất lượng cao, sẵn sàng đáp ứng được yêu cầu của nhà đầu tư nước ngoài sẽ là lợi thế cạnh tranh mới để Việt Nam thu hút được dòng FDI chất lượng cao, phục vụ cho phát triển CN CBCT.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh đại dịch vẫn đang diễn biến phức tạp và kéo dài, chưa dự báo chính xác được thời điểm kết thúc, Nhà nước cũng như cộng đồng doanh nghiệp nói chung, các doanh nghiệp FDI nói riêng cần có một số biện pháp để hạn chế và đối phó với tình hình dịch bệnh kéo dài. *Thứ nhất*, cần đẩy mạnh quá trình tiêm vaccine cho

người lao động tại các DN; ưu tiên tăng tỷ lệ tiêm bao phủ cho những DN, địa phương đang có đóng góp lớn cho ngân sách Nhà nước Trung ương và địa phương để doanh nghiệp sớm ổn định sản xuất, hạn chế các tổn thất cho doanh nghiệp. Việc tổ chức tiêm phòng COVID-19 cho nhân viên theo đúng hướng dẫn và các yêu cầu an toàn của Bộ Y tế, đảm bảo tiến độ, an toàn, hiệu quả. **Thứ hai**, Nhà nước khẩn trương có hướng dẫn áp dụng các điều kiện tổ chức sản xuất an toàn trong tình hình mới và kế hoạch mở cửa của các địa phương để doanh nghiệp có thể chủ động phương án sản xuất kinh doanh. **Thứ**

ba, các bộ, ngành, địa phương liên quan liên tục tiến hành rà soát loại bỏ các quy định đang gây áp lực về chi phí cho DN, đơn giản hóa tối đa quy trình hành chính hiện tại, hoặc xem xét áp dụng các quy trình xuất, nhập khẩu ưu tiên cho các sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo; đẩy nhanh quy trình, thủ tục nhập về các mặt hàng thiết yếu và xuất các nhóm mặt hàng xuất khẩu chủ đạo, để hỗ trợ các doanh nghiệp tối ưu thời gian, chi phí ở các khâu thực hiện trong nước; ban hành các hướng dẫn chi tiết, cụ thể giúp DN tiếp cận dễ dàng, nhanh chóng với các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Akhlaque, A., Lopez, A. B. C. O. & Coste, A. (2017). Vietnam - Enhancing enterprise competitiveness and SME linkages : lessons from international and national experience Washington, D.C.: World Bank Group.
- Nguyễn Thị Tuệ Anh & Vũ Thị Như Hoa. (2014). Đầu tư trực tiếp nước ngoài và năng lực cạnh tranh của Việt Nam. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, 3.
- B.V.Kapparashetty (2020). Impact of Covid 19 on Industrial Sector. *IJRAR March 2020*, 7.
- Camino-Mogro, S. & Armijos, M. (2020). The effects of COVID-19 lockdown on Foreign Direct Investment: evidence from Ecuadorian firms. *Munich Personal RePEc Archive*.
- Fu, Y., Alleyne, A. & Mu, Y. (2021). Does Lockdown Bring Shutdown? Impact of the COVID-19 Pandemic on Foreign Direct Investment. *Emerging Markets Finance and Trade*.
- Handoyo, R. D. (2020). Editorial: impact of covid 19 on trade, FDI, real exchange rate and era of digitalization: brief review global economy during pandemic. *JDE (Journal of Developing Economies)* 5, 86-90.
- International Labour Organization (2021). COVID-19 and multinational enterprises: Impacts on FDI, trade and decent work in Asia and the Pacific.
- Inzelt, A. (1999). The Transformation Role of FDI in R&D: Analysis Based on Material from a Databank. In: Dyker D.A., R. S. (ed.) *Innovation and Structural Change in Post-Socialist Countries: A Quantitative Approach*. Dordrecht: Springer.
- P.J.Lloyd (1996). The role of foreign investment in the success of Asian industrialization. *Journal of Asian Economics*, 7, 407-433.
- Porwal, M., Gujrati, R. & Uygun, H. (2021). COVID-19 Pandemic: Impact on FDI, Covid 19 Impact on Foreign Direct Investment and Various Sectors. UK: Tradepreneur Global Academic Platform Southampton.

- Rahmaddi, R. & Ichihashi, M. (2013). The role of foreign direct investment in Indonesia's manufacturing exports. *Bulletin of Indonesian Economic Studies*, 49, 329-354.
- Nguyễn Thị Thanh Thủy (2020). FDI - Nguồn vốn quan trọng thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ hội nhập. *Tạp chí Kinh tế & Quản trị kinh doanh*.
- Tổng cục thống kê (2020). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2020. Hà Nội.
- Tổng cục thống kê (2021). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2021. Hà Nội.
- World Bank (2020). Assessing the economic impact of COVID-19 and policy responses in SubSaharan Africa. *Africa's Pulse*.
- Zhang, K. H. (2014). What drives export competitiveness? The role of FDI in Chinese manufacturing. *Contemporary Economic Policy*, 33, 499-512.